

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN

Địa chỉ: 117-123 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		229.573.741.068	48.627.593.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25.949.632.334	19.542.396.221
1. Tiền	111		21.532.332.334	19.542.396.221
2. Các khoản tương đương tiền	112		4.417.300.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		186.362.000.000	14.300.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	186.362.000.000	14.300.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		11.839.015.059	10.149.677.701
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	10.222.734.830	8.640.366.915
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.579.936.287	1.449.860.786
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		53.949.000	59.450.000
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(17.605.058)	-
IV. Hàng tồn kho	140		3.114.569.294	2.103.322.652
1. Hàng tồn kho	141	V.5	3.114.569.294	2.103.322.652
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.308.524.381	2.532.197.370
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6	2.061.266.381	1.668.380.529
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	812.826.841
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	247.258.000	50.990.000



CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN

Địa chỉ: 117-123 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		261.259.404.287	299.331.854.191
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.450.000	98.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		35.450.000	98.500.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		151.684.810.433	133.588.886.174
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	151.672.759.211	133.331.845.169
Nguyên giá	222		215.746.395.442	184.793.068.727
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(64.073.636.231)	(51.461.223.558)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	12.051.222	29.941.854
Nguyên giá	228		53.015.200	53.015.200
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(40.963.978)	(23.073.346)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	-	227.099.151
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		106.151.269.990	165.339.468.017
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.11	87.540.596.250	19.303.180.017
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	18.610.673.740	175.623.842.990
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.13	-	(29.587.554.990)
V. Tài sản dài hạn khác	260		3.387.873.864	305.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	2.887.873.864	-
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.15	500.000.000	305.000.000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		490.833.145.355	347.959.448.135

3/2010

ĐƠN
H. NHIE
EM T
TƯ

TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN

Địa chỉ: 117-123 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		101.516.520.947	37.035.935.335
I. Nợ ngắn hạn	310		99.731.336.314	34.752.720.439
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	V.16	13.685.440.794	8.742.846.016
3. Người mua trả tiền trước	313	V.17	1.728.197.843	2.619.948.337
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.18	10.848.272.603	1.430.830.153
5. Phải trả người lao động	315	V.19	6.136.175.954	3.806.447.766
6. Chi phí phải trả	316		30.300.000	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.20	64.208.373.031	7.610.854.558
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	3.094.576.089	10.541.793.609
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.785.184.633	2.283.214.896
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.22	1.140.224.395	1.527.041.710
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.23	591.479.000	756.173.186
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		53.481.238	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		389.316.624.408	310.923.512.800
I. Vốn chủ sở hữu	410		389.316.624.408	310.923.512.800
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	230.000.000.000	230.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	136.800.000	136.800.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.24	(398.310.000)	(398.310.000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	60.772.390.830	43.275.835.021
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	13.803.568.750	10.409.682.361
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.24	-	860.555.870
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		85.002.174.828	26.638.949.548
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		490.833.145.355	347.959.448.135

144

G T
M HỮU
OÁN
VÂN

Ồ C

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN

Địa chỉ: 117-123 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		106.520.873	106.520.873
5. Ngoại tệ các loại: Dollar Mỹ (USD)		133.188,85	87.073,67
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2011


Phạm Thị Kim Ngân
Người lập biểu


Lê Thị Hoàng Yến
Kế toán trưởng


Lý Chánh Đạo
Tổng Giám đốc

C.T. P.
HẠNH
VÀ
HỒ CHÍ MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN

Địa chỉ: 117-123 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

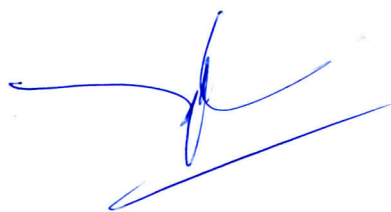
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	332.164.226.650	279.662.194.548
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	1.008.432.185	597.516.949
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	331.155.794.465	279.064.677.599
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	185.008.314.785	155.227.543.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		146.147.479.680	123.837.134.051
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	16.887.426.365	13.231.637.174
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.563.935.010	29.036.274.990
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	7.957.870.343	2.065.806.011
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	20.722.345.378	13.336.637.151
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		129.790.755.314	92.630.053.073
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.287.655.708	970.057.786
12. Chi phí khác	32	VI.8	633.168.414	418.579.289
13. Lợi nhuận khác	40		654.487.294	551.478.497
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	VI.9	4.669.216.233	3.060.406.154
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		135.114.458.841	96.241.937.724
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.18	32.545.095.022	11.209.160.471
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>102.569.363.819</u>	<u>85.032.777.253</u>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>102.569.363.819</u>	<u>85.032.777.253</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>4.465</u>	<u>3.702</u>



Phạm Thị Kim Ngân
Người lập biểu



Lê Thị Hoàng Yến
Kế toán trưởng



Lý Chánh Đạo
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN

Địa chỉ: 117-123 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		135.114.458.841	96.241.937.724
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.8, V.9	12.690.568.208	11.809.728.001
- Các khoản dự phòng	03		(1.055.257.932)	29.036.274.990
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(15.348.027.541)	(15.611.662.528)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		131.401.741.576	121.476.278.187
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		292.419.458	958.690.909
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(1.011.246.642)	(287.359.808)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		64.981.885.149	(7.501.158.141)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.250.228.788)	(325.350.219)
- Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.19	(24.001.275.010)	(17.267.439.647)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		115.000.000	6.486.587.099
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18.067.470.204)	(8.217.999.313)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		150.460.825.539	95.322.249.067
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.8, V.9, V.10, VII	(31.521.155.820)	(10.133.336.581)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	11.566.535	17.681.818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(460.362.000.000)	(165.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		288.300.000.000	152.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(63.230.030.750)	(48.278.635.650)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		123.576.510.000	3.792.572.660
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		15.259.844.209	15.233.574.556
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(127.965.265.826)	(52.068.143.197)

S.Đ.K.K

CÔNG TY CỔ PHẦN BÔNG SEN

Địa chỉ: 117-123 Đồng Khởi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.24	(16.088.323.600)	(52.105.566.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.088.323.600)	(52.105.566.600)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		6.407.236.113	(8.851.460.730)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	19.542.396.221	28.393.856.951
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	25.949.632.334	19.542.396.221

Phạm Thị Kim Ngân
Người lập biểu

Lê Thị Hoàng Yến
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2011

✓ Lý Chánh Đạo
Tổng Giám đốc

